

Số: 249/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ một số nội dung quy định tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 2023

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 164/TTr-STNMT ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc đề nghị bãi bỏ một số nội dung quy định tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Danh mục Vùng hạn chế 3 thuộc danh mục hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang được Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phê duyệt tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 12/8/2019, với tổng diện tích là **3.999,97 ha**. Trong đó:

- Thành phố Tuyên Quang: 1.732,08 ha thuộc địa bàn xã, phường: An Tường, Hưng Thành, Đội Cấn, Minh Xuân, Nông Tiến, Phan Thiết, Tân Hà, Tân Quang, Ý La, Mỹ Lâm, Kim Phú, Tràng Đà, Lương Vượng.

- Huyện Yên Sơn: 736,42 ha gồm các xã: Đội Bình, Mỹ Bằng, Lang Quán, Tân Long, Thái Bình, Trung Môn, Tứ Quận và thị trấn Yên Sơn.

- Huyện Sơn Dương: 437,65 ha gồm các xã: Hợp Thành, Phúc Ứng, Tân Trào, Tú Thịnh và thị trấn Sơn Dương.

- Huyện Hàm Yên: 522,01 ha gồm các xã: Bạch Xa, Bình Xa, Hùng Đức, Yên Phú và thị trấn Tân Yên..

- Huyện Chiêm Hóa: 342,23 ha gồm các xã: Tân Thịnh, Trung Hòa, Yên Nguyên và thị trấn Vĩnh Lộc.

- Huyện Na Hang: 187,4 ha gồm thị trấn Na Hang.

- Huyện Lâm Bình: 42,18 ha gồm thị trấn Lãng Can.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Các nội dung khác không quy định tại Điều 1 Quyết định này được giữ nguyên theo Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định có liên quan đến việc hạn chế nước dưới đất.

b) Thực hiện công bố bãi bỏ danh mục Vùng hạn chế 3 thuộc Danh mục hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương; thông báo cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nơi có Vùng hạn chế 3 được bãi bỏ (cụ thể về khu vực, địa điểm, ranh giới...) để thực hiện.

c) Rà soát khu vực khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh để tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục, Bản đồ phân vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có Vùng hạn chế 3 được bãi bỏ biết để thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Giám đốc Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh phụ trách TNMT;
- Phó CVP UBND tỉnh Nguyễn Thanh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chuyên viên TNMT;
- Lưu VT, KT (Toàn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Giang

PHỤ LỤC
BÃI BỎ DANH MỤC VÙNG HẠN CHẾ 3 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG
(Kèm theo Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Địa điểm	Tên vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	Diện tích được bãi bỏ Vùng hạn chế 3 (ha)
I	Thành phố Tuyên Quang		1.732,08
1	Phường An Tường	Vùng hạn chế 3	271,1
2	Phường Đội Cấn	Vùng hạn chế 3	122,3
3	Phường Hưng Thành	Vùng hạn chế 3	129,4
4	Phường Minh Xuân	Vùng hạn chế 3	143,7
5	Phường Nông Tiến	Vùng hạn chế 3	178,1
6	Phường Phan Thiết	Vùng hạn chế 3	99,25
7	Phường Tân Hà	Vùng hạn chế 3	180
8	Phường Tân Quang	Vùng hạn chế 3	63,77
9	Phường Ý La	Vùng hạn chế 3	116,4
10	Phường Mỹ Lâm	Vùng hạn chế 3	69,04
11	Xã Tràng Đà	Vùng hạn chế 3	109,5
12	Xã Lương Vượng	Vùng hạn chế 3	90,92
13	Xã Kim Phú	Vùng hạn chế 3	158,6
II	Huyện Yên Sơn		736,42
1	Xã Đội Bình	Vùng hạn chế 3	34,05
2	Xã Mỹ Bằng	Vùng hạn chế 3	204,3
3	Xã Lãng Quán	Vùng hạn chế 3	64,3
4	Xã Tân Long	Vùng hạn chế 3	75,29
5	Xã Thái Bình	Vùng hạn chế 3	29,18
6	Xã Trung Môn	Vùng hạn chế 3	181,2
7	Xã Tứ Quận	Vùng hạn chế 3	47,3
8	Thị trấn Yên Sơn	Vùng hạn chế 3	100,8
III	Huyện Sơn Dương		437,65
1	Thị trấn Sơn Dương	Vùng hạn chế 3	323,5
2	Xã Hợp Thành	Vùng hạn chế 3	49,69

STT	Địa điểm	Tên vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được phê duyệt tại Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	Diện tích được bãi bỏ Vùng hạn chế 3 (ha)
3	Xã Phúc Ứng	Vùng hạn chế 3	16,31
4	Xã Tân Trào	Vùng hạn chế 3	23,29
5	Xã Tú Thịnh	Vùng hạn chế 3	24,86
IV	Huyện Hàm Yên		522,01
1	Thị trấn Tân Yên	Vùng hạn chế 3	205
2	Xã Bạch Xa	Vùng hạn chế 3	21,53
3	Xã Bình Xa	Vùng hạn chế 3	190,5
4	Xã Hùng Đức	Vùng hạn chế 3	36,61
5	Xã Yên Phú	Vùng hạn chế 3	68,37
V	Huyện Chiêm Hóa		342,23
1	Thị trấn Vĩnh Lộc	Vùng hạn chế 3	130,1
2	Xã Tân Thịnh	Vùng hạn chế 3	64,59
3	Xã Trung Hòa	Vùng hạn chế 3	54,99
4	Xã Yên Nguyên	Vùng hạn chế 3	92,55
VI	Huyện Na Hang		187,4
1	Thị trấn Na Hang	Vùng hạn chế 3	187,4
VII	Huyện Lâm Bình		42,18
1	Thị trấn Lãng Can	Vùng hạn chế 3	42,18